TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/DS-ST
Ngày 02/3/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị H với chị Ng ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang;
2. Ông Trần Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 08/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Ng, xã M, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên;

Hiện tạm trú tại: Ngõ 3, khu 1, đường B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

*** Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Đông A, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện tạm trú tại: số nhà 2, đường X, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị Nguyễn Thị Ng có vay tiền của chị nhiều lần, cụ thể: lần 01 ngày 18/02/2018, chị Ng có vay của chị số tiền 45.000.000 đồng (Bốn lăm triệu đồng), lần 02 ngày 18/01/2019 chị Ng có vay

của chị số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay tiền chị Ng có lập giấy biên nhận và có ký tên ở phần người vay và có thỏa thuận thời hạn trả của khoản tiền 45.000.000 đồng là ngày18/02/2019, thời hạn trả của khoản tiền 100.000.000 đồng là ngày18/3/2019, các lần vay tiền trên do chị với chị Ng chơi thân thiết với nhau nên không thỏa thuận lãi suất cũng như tài sản thế chấp. Khi vay tiền thì chị Ng có nói mục đích vay tiền để kinh doanh, nhưng sau đó chị Ng có nói mục đích vay tiền là để đưa cho chồng về xây nhà. Sau khi vay tiền thì chị Ng không trả tiền như cam kết nên chị đã đòi chị Ng nhiều lần nhưng chị Ng không trả.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Ng có trách nhiệm trả chị số tiền gốc là 145.000.000 đồng, lãi suất là 35.400.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020, biên bản hòa giải và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/12/2020, chị H đề nghị vợ chồng chị Ng, anh A cùng có nghĩa vụ trả chị số tiền gốc là 145.000.000 đồng, chị không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay chị H có mặt và trình bầy: Nay chị chỉ đề nghị cá nhân chị Ng phải có trách nhiệm trả chị số tiền 145.000.000 đồng, chị không yêu cầu trả lãi.

* Tại bản tự khai ngày 20/10/2020 và những lời khai tiếp theo bị đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bầy:

Chị nhất trí với trình bầy của chị H về nội dung vay tiền, chị xác định có vay tiền của chị H 02 lần: lần 01 ngày 18/02/2018, chị có vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn lăm triệu đồng), lần 02 ngày 18/01/2019 chị có vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay tiền chị là người viết giấy biên nhận và có ký tên ở phần người vay và có thỏa thuận thời hạn trả như trình bầy của chị H, các lần vay tiền trên do chị với chị H chơi thân thiết với nhau nên không thỏa thuận lãi suất cũng như tài sản thế chấp. Mục đích chị vay tiền của chị H là để kinh doanh. Sau khi vay tiền, do làm ăn khó khăn nên chị chưa trả được tiền cho chị H. Nay chị nhất trí trả chị H số tiền gốc là 145.000.000 đồng, về lãi suất chị H không yêu cầu chị cũng nhất trí.

Tại phiên tòa chị Ng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến: Chị xác định còn nợ chị H số tiền 145.000.000 đồng, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đông A trình bầy: Anh là chồng của chị Ng, nhưng vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2014 cho tới nay, việc chị Ng vay tiền của chị H như thế nào anh không biết, chị Ng vay tiền của chị H cũng không sử dụng vào việc phát triển kinh tế hay chi tiêu trong gia đình. Khi chị H cho chị Ng vay tiền thì cả chị H cũng như chị Ng không nói gì với anh và sau này chị H cũng chưa lần nào trao đổi với anh về việc vay tiền trên. Nay chị H yêu cầu anh cùng có trách nhiệm trả số tiền trên thì anh không nhất trí, anh xác định không liên quan đến khoản vay trên.

Tại phiên tòa hôm nay anh A vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị Ng có trách nhiệm trả chị H số tiền gốc là 145.000.000 đồng

Đình chỉ xét xử về lãi suất.

Về án phí chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Ng có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đông A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do chính đáng Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Hồng H đòi chị Nguyễn Thị Ng số tiền là 145.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện thì chị H có giao nộp 02 giấy biên nhận vay tiền gồm: 01 giấy biên nhận đề ngày 18/02/2018 với số tiền 45.000.000 đồng, 01 giấy biên nhận đề ngày 18/01/2019 với số tiền 100.000.000 đồng, do chị Ng viết và ký tên. Chị Ng cũng thừa nhận còn nợ chị H số tiền 145.000.000 đồng gốc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định chị Ng còn nợ chị H số tiền 145.000.000 đồng gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do chị Ng không có ý thức thanh toán trả cho chị H số tiền trên mặc dù chị H đã nhiều lần yêu cầu chị Ng thanh toán nhưng chị Ng vẫn không thanh toán nên buộc chị H phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của chị H là phï hîp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Ng phải thanh toán trả cho chị H số tiền là 145.000.000 đồng gốc.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu cá nhân chị Ng phải có trách nhiệm trả nợ, do đó nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân chị Ng.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu chị Ng phải trả số tiền lãi là 35.400.000 đồng, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020, biên bản hòa giải và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/12/2020, tại phiên tòa chị H xin rút yêu cầu trên. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tung dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên, chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: chị H yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 145.000.000 đồng x 5% = 7.250.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải trả cho chị Nguyễn Hồng H số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) gốc .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất của chị Nguyễn Hồng H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu phải chịu 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Hồng H số tiền 4.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền số AA/2020/0000034 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện T.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Tư Duy